

Bản án số: 534/2019/DS-PT

Ngày 30-10-2019

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1756/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị M , sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: xã Định Thành, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Nguyễn Thị Diệu K , sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Nguyễn Hồng G , sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

8. Ông Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

9. Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

10. Ông Nguyễn Việt K1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

11. Bà Nguyễn Thị Kiều H2, sinh năm 1989 (vắng mặt).

12. Ông Nguyễn Thành C1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

13. Bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M , sinh năm 1977.

Địa chỉ: xã Định Thành, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M : Ông Cao Quốc T2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Đỗ Văn L (L1), sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T3, văn phòng Luật sư X – Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ: phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố C: Bà Lê Thị Bích N – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C theo

Giấy ủy quyền số 120/UBND-GUQ ngày 03/5/2019 (xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Quách Thị H3, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị M (nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện đồng nguyên đơn - bà Nguyễn Thị M và ông Cao Quốc T trình bày:

Vào năm 1991 Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy CNQSDĐ) số A342166 cho ông Nguyễn Văn T4 (cha của các nguyên đơn) với tổng diện tích 36.200m², tại các thửa số 268, 269 và 272, tọa lạc tại xã Hòa Tân, thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải. Ông T4 đã chuyển nhượng cho bà Châu Hồng T5 phần đất có diện tích 15.960m², tại thửa số 268. Ông T4 còn lại phần đất có diện tích 20.240m², trong đó thửa số 272 có diện tích 5.200m² đã bị ông Đỗ Văn L chiếm toàn bộ, canh tác từ năm 1991 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông L trả lại cho nguyên đơn phần đất tại thửa số 272 có diện tích 5.200m², tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuy nhiên, khi Trung tâm đo đạc Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành đo đạc thì phần đất mà ông L chiếm sử dụng có diện tích thực tế là 6.325,2m². Do đó, nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả lại cho nguyên đơn phần đất tại thửa số 272 có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.325,2m², tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông L trả tiền thuê đất từ tháng 4 năm 1991 đến nay là hơn 27 năm theo giá đất cho thuê tại địa phương là 1.000.000 đồng/công/năm với tổng số tiền là 129.600.000 đồng.

Bị đơn - ông Đỗ Văn L trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông Đỗ Văn P (cha của ông) cho ông Lâm L2 (cha vợ của ông Nguyễn Văn T4) mượn canh tác. Thời điểm cho ông Lâm L2 mượn phần đất có diện tích 08 công tầm lớn. Sau khi ông P đi kháng chiến về có yêu cầu ông T4 (lúc này ông Lâm L2 đã chết, ông T4 là người trực tiếp sử dụng phần đất) trả lại đất. Chính quyền xã Hòa Tân đã giải quyết buộc ông T4 trả lại cho ông P 04 công tầm lớn, còn lại 04 công tầm lớn chưa được giải quyết thì ông T4 đã kê khai đăng ký và được cấp giấy CNQSDĐ vào năm 1991, tại thửa số 272, tờ bản đồ số 279, diện tích 5.200m², tọa lạc tại xã Hòa Tân, thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải.

Thời điểm này, ông quản lý, sử dụng luôn phần đất 04 công đang tranh chấp. Sau đó ông có gửi đơn yêu cầu đến Hội đồng tư vấn thị xã Cà Mau buộc ông T4 giao trả giấy CNQSDĐ của 04 công đất còn lại để ông làm giấy CNQSDĐ. Hội đồng tư vấn thị xã Cà Mau giao cho tổ Giải quyết khiếu nại đất đai kết hợp

với UBND xã Hòa Tân đã giải quyết buộc ông T4 trả lại toàn bộ phần đất có diện tích 5.200m², tại thửa số 272, tờ bản đồ số 279, tọa lạc tại xã Hòa Tân, thị xã Cà Mau cho ông.

Gia đình ông quản lý và sử dụng ổn định phần đất trên từ năm 1991, tuy ông T4 có yêu cầu nhưng từ khi ông T4 chết (năm 2005), các con ông T4 biết đất của gia đình ông nên không tiếp tục yêu cầu gì, ông sử dụng ổn định phần đất tranh chấp cho đến nay nhưng không có làm giấy CNQSDĐ (năm 2016 không biết vì lý do gì, bà M mới nảy sinh ý định kiện tụng). Trước yêu cầu của nguyên đơn ông không đồng ý.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy CNQSDĐ số A342166 do UBND thị xã Cà Mau cấp ngày 06/4/1991 cho ông Nguyễn Văn T4 đối với phần đất có diện tích 5.200m², tại thửa số 272, tờ bản đồ số 279, tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Quách Thị H3 trình bày:
Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu độc lập của chồng bà là ông Đỗ Văn L , ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố C:
Ủy ban nhân dân thành phố C không có ý kiến đối với tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 4 Điều 13 Luật Đất đai năm 1987; khoản 1 Điều 12 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật Đất đai; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị M , bà Nguyễn Thị H , bà Nguyễn Thị Diệu K , bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T , ông Nguyễn Văn C , bà Nguyễn Hồng G , ông Nguyễn Văn Đ , ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Việt K1, bà Nguyễn Thị Kiều H2, ông Nguyễn Thành C1, bà Nguyễn Thị K2 về việc buộc bị đơn ông Đỗ Văn L trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.325,2m², tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 11/7/2017) và buộc bị đơn ông Đỗ Văn L trả 120.000.000 đồng tiền thuê đất.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Văn L . Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T4 được Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Minh Hải cấp vào ngày 06/04/1991 diện tích 5.200m² (diện tích theo đo đạc thực tế là 6.325,2m²). Theo Quyết định số: 1208/QĐ-UB ngày 05/9/1990, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 02363 QSDD/TXCM.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí đo đạc, án phí sơ thẩm; phần thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/5/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Quốc T2 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Đỗ Văn L trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.325,2m², tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và buộc bị đơn ông Đỗ Văn L trả 120.000.000 đồng tiền thuê đất. Diện tích ghi theo giấy CNQSDD là 5.200m², nhưng theo đo đạc thực tế là 6.325,2m² là đúng vị trí, ranh giới của khu đất tranh chấp này, không bên nào khai phá thêm. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai đối với các nhân chứng có mối quan hệ với bị đơn ông Đỗ Văn L để xét xử là không khách quan. Việc ông T4 (cha bà M) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M .

Bị đơn ông Đỗ Văn L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu như sau:

- Việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Đỗ Văn L trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.325,2m², tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau và buộc bị đơn ông Đỗ Văn L trả 120.000.000 đồng tiền thuê đất và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Văn L . Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T4 được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp vào ngày 06/04/1991 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị M (có người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Quốc T2) cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới để

chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà M , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí của đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, có một số đương sự vắng mặt nhưng các đương sự này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 hoặc đã có văn bản ủy quyền cho người khác có mặt tham gia phiên tòa hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M (có người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Quốc T2):

[2.1.1] Nguyên đơn cho rằng lúc còn sống, cha là ông Nguyễn Văn T4 (chết năm 2005) và mẹ là bà Trần Thị K3 (chết năm 2010) có chung với nhau phần đất có tổng diện tích là 36.200m², tại các thửa số 268, 269 và 272, tọa lạc tại xã Hòa Tân, thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải, phần đất do phụ âm để lại, phần đất tranh chấp với bị đơn có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.325,2m² nằm trong tổng diện tích 36.200m² ông T4 đã được UBND thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải cấp giấy CNQSDĐ vào năm 1991. Vào năm 1991 ông Đỗ Văn L ngang nhiên lấn chiếm sử dụng toàn bộ phần đất có diện tích 6.325,2m² cho đến nay.

Tuy nhiên, tại “Đơn trình bày & có ý kiến và bổ sung chứng cứ” (bút lục 226), bà Nguyễn Thị M trình bày và nộp nhiều chứng cứ, trong số đó có “Đơn khiếu nại” của cha bà là ông Nguyễn Văn T4 ký ngày 18/6/1993 (bút lục 197), với nội dung: “... *Nguồn gốc đất của tôi hiện đang tranh chấp với ông Đỗ Văn L – cư ngụ phường 9, thị xã Cà Mau. Đất này trước kia là của ông Bảy L3 đi bỏ lại, tổng diện tích 14 công tầm cấy. Vào năm 1960 đất năng hoang hóa, ông P chiếm đào mương chủ yếu dẫn cá về đìa, có cho tôi mượn 8 công canh tác kể từ năm 1960 cho đến năm 1979 thì ông P thừa đòi lại. Chánh quyền xã Hòa Tân có giải quyết chia đôi mỗi người 4 công ...*”.

Căn cứ nội dung “Đơn khiếu nại” nêu trên của ông Nguyễn Văn T4 (do bà Nguyễn Thị M nộp), cho thấy ông T4 thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc của ông P (cha ông L) cho ông mượn chứ không phải như phía nguyên đơn trình bày. Lời thừa nhận này của ông T4 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án do UBND xã Hòa Tân cung cấp cho Tòa án như “Thông báo” số 006-TB-UB ngày 02/6/1992 của Chủ tịch Ủy ban xã Hòa Tân (bút lục 378); chứng thật của ông Nguyễn Thuận D , chủ tịch UBND xã Hòa Tân (bút lục 376); tờ xác nhận của ông Huỳnh Văn L4, ngày 23/5/1991 (bút lục 375); tờ xác nhận của ông Phương Văn C2, ngày 17/6/1991 (bút lục 377). Đồng thời cũng phù hợp với lời khai của những

người nguyên là cán bộ được phân công giải quyết tranh chấp đất giữa ông T4 và ông L trước đây (do cán bộ Tòa án ghi lời khai), như: ông Trang T6 - nguyên Phó Chánh Thanh tra thị xã C - nguyên Phó ban Tiểu ban giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc UBND thị xã C phụ trách giải quyết tranh chấp tại xã Hòa Tân, xã Hòa Thành, xã Định Bình (bút lục 371); ông Lê Trung N1 - nguyên Trưởng ban Tiểu ban giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc UBND thị xã C, phụ trách giải quyết tranh chấp tại xã Hòa Tân, xã Hòa Thành, xã Định Bình (bút lục 370); ông Nguyễn Thuận D – nguyên Chủ tịch UBND xã Hòa Tân (bút lục 369); ông Phương Văn C2 – nguyên Ủy viên UBND xã Hòa Thành, phụ trách ấp Bùng Bình, xã Hòa Thành (bút lục 368).

Từ lời thừa nhận của ông Nguyễn Văn T4 và các căn cứ nêu trên, thể hiện phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đỗ Văn P , thời điểm đó do ông P tham gia cách mạng, không có điều kiện canh tác nên ông P cho ông Trần Văn L4 (cha vợ ông Nguyễn Văn T4) mượn canh tác. Sau khi ông L4 chết thì ông T4 là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất mà ông L4 mượn của ông P .

[2.1.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, thấy rằng: Sau khi tham gia cách mạng về ông P đòi lại phần đất đã cho ông L4 mượn trước đó. Đến năm 1979, tranh chấp được Tổ chức Nông dân tập thể xã Hòa Tân, thị xã C giải quyết buộc ông T4 trả lại cho ông P 04 công (tầm 03 mét). Sau khi lấy lại được 04 công đất, ông P cho con là ông L quản lý, sử dụng. Ông L đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy CNQSDĐ đối với 04 công đất này. Năm 1991 ông T4 kê khai, đăng ký và được UBND thị xã Cà Mau cấp giấy CNQSDĐ đối với 04 công đất được chia.

Tại Thông báo 06, biên bản hòa giải, biên bản xác minh của chính quyền địa phương thể hiện năm 1983 ông L tiếp tục đòi 04 công còn lại và được chính quyền địa phương giải quyết trả tiếp 02 công.

[2.1.3] Tại “Đơn khởi kiện bổ sung” (bút lục 280, 281), bà Nguyễn Thị M trình bày: “... Ông L1 chiếm đất của gia đình tôi để canh tác tính từ thời điểm cha tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 4 năm 1991 đến nay là hơn 27 năm...”.

Theo “Thông báo” số 006-TB-UB ngày 02/6/1992 của Chủ tịch Ủy ban xã Hòa Tân (bút lục 378), sau khi chính quyền địa phương giải quyết tranh chấp 04 công đất còn lại bằng cách tiếp tục chia cho ông L và ông T4 mỗi người 02 công, tại mục 02 có ghi: “Phần đất ông L đã sạ, ông T4 phải trả công lao động và lúa giống lại cho ông L”.

Như vậy, khi ông T4 được cấp giấy CNQSDĐ (ngày 06/4/1991), phần đất này đang trong giai đoạn tranh chấp, chưa được giải quyết xong và thời điểm ông T4 được cấp giấy, ông L là người đang quản lý, canh tác phần đất đang tranh chấp này, nhưng UBND thị xã C lại cấp giấy CNQSDĐ cho ông T4 là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 1987 và Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật đất đai.

[2.1.4] Xét quá trình quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp: Bị đơn ông L là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất từ năm 1991 đến nay. Nguyên đơn cho

rằng có ngăn cản việc sử dụng đất của bị đơn, tuy nhiên lời trình bày của nguyên đơn không có giấy tờ gì chứng minh, trong khi theo xác nhận của ông Nguyễn Thuận D – nguyên Chủ tịch UBND xã Hòa Tân, người đã trực tiếp giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông T4 và ông L trước đây thì *“Do ông T4 đã chết nên các con của ông T4 không ngăn cản hoặc phản đối việc sử dụng đất của ông L vì các con của ông T4 lập gia đình và đi nơi khác sinh sống, chỉ còn một, hai người sinh sống ở địa phương”* (bút lục 369).

[2.1.5] Căn cứ vào nguồn gốc đất (ông T4 thừa nhận mượn của ông P) và quá trình quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp, xét thấy việc nguyên đơn kiện đòi phần đất do trước đây ông ngoại của nguyên đơn (ông L4) đã mượn của cha bị đơn (ông P), là không có căn cứ, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, cần tiếp tục giao phần đất tranh chấp cho bị đơn là ông Đỗ Văn L quản lý, sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.325,2m², tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là có căn cứ.

Do yêu cầu đòi lại đất của nguyên đơn không được chấp nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị đơn trong khoảng thời gian sử dụng đất phải trả 120.000.000 đồng tiền thuê đất là phù hợp. Ngoài ra, xét thấy việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông T4 đối với phần đất đang tranh chấp là không đúng quy định pháp luật; đồng thời việc Hội đồng xét xử giao phần đất tranh chấp cho ông L tiếp tục quản lý, sử dụng nên cần tuyên hủy một phần giấy CNQSDĐ do UBND thị xã Cà Mau cấp ngày 06/4/1991 cho ông Nguyễn Văn T4 đối với phần đất tại thửa số 272, có diện tích theo giấy CNQSDĐ là 5.200m², theo đo đạc thực tế là 6.325,2m², tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Ông Đỗ Văn L được giao tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên, được đến cơ quan chức năng làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị M (có người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Quốc T2) cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà M . Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 13 Luật Đất đai năm 1987;

Căn cứ Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M (có người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Quốc T2); giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

2. Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị bà Nguyễn Thị H , bà Nguyễn Thị Diệu K , bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T , ông Nguyễn Văn C , bà Nguyễn Hồng G , ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Việt K1, bà Nguyễn Thị Kiều H2, ông Nguyễn Thành C1, bà Nguyễn Thị K2 về việc buộc bị đơn ông Đỗ Văn L trả lại phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.325,2m², tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 11/7/2017) và buộc bị đơn ông Đỗ Văn L trả 120.000.000 đồng tiền thuê đất.

2.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đỗ Văn L . Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T4 được Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Minh Hải cấp vào ngày 06/04/1991 diện tích 5.200m² (diện tích theo đo đạc thực tế là 6.325,2m²). Theo Quyết định số: 1208/QĐ-UB ngày 05/9/1990, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 02363 QSDĐ/TXCM.

2.3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 00318 ngày 29/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- ND (13);
- BD (1);
- NLQ (2);
- Lưu (6). HS (2). 29b (Án-36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đức Phương

Trần Thị Huyền Vân

Vũ Ngọc Huynh